TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIAO THỦY** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2024/HS-ST
Ngày: 22- 5- 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIAO THỦY, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Hà Bắc.

Bà Phùng Thị Quỳnh .

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Mừng – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 38/2024/TLST-HS ngày 16 tháng 4 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2024/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 5 năm 2024, đối với bị cáo:

Trần Thị L, sinh ngày 20- 2- 1978 tại huyện L, tỉnh Bắc Giang; nơi cư trú: Xóm D, xã B, huyện G, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Huy H (đã chết) và bà Trần Thị C (đã chết); có chồng là Phạm Văn R và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị Toà án áp dụng "Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú"; “có mặt”.

* *Bị hại*: Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1954; đã chết.

* *Đại diện hợp pháp của bị hại:*

1. Bà Bùi Thị P; sinh năm 1954; nơi cư trú: Xóm D, xã B, huyện G, tỉnh Nam Định; là vợ của ông H1; "có mặt".

2. Anh Nguyễn Văn B; sinh năm 1977; nơi cư trú: Xóm D, xã B, huyện G, tỉnh Nam Định; là con của ông H1; "có mặt".

3. Chị Nguyễn Thị N; sinh năm 1982; nơi cư trú: Xóm H, xã H, huyện G, tỉnh Nam Định; là con của ông H1; "có mặt".

4. Anh Nguyễn Văn C1; sinh năm 1988; nơi cư trú: Xóm D, xã B, huyện G, tỉnh Nam Định; là con của ông H1; "vắng mặt".

5. Anh Nguyễn Văn C2; sinh năm 1985; địa chỉ nơi cư trú: S3.05, Vinhomes G, phường L, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh; Người đại diện theo uỷ quyền cho anh Nguyễn Văn C2: Bà Bùi Thị P, anh Nguyễn Văn B, chị Nguyễn Thị N, anh Nguyễn Văn C1 (là các đại diện hợp pháp khác của bị hại trong vụ án).

** Người làm chứng*: Anh Đặng Văn L1; "vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chồng của Trần Thị L là ông Phạm Văn R (sinh năm 1973, trú tại xóm D, xã B, huyện G) có chứng chỉ hành nghề dược và bằng trung cấp y sỹ, mở cửa hàng bán thuốc tân dược tại nhà và là người đứng tên kinh doanh. Từ tháng 02/2023, anh R đi làm ở Hà Nội; Trần Thị L không có chứng chỉ, bằng cấp gì liên quan đến y dược, hành nghề khám bệnh, chữa bệnh nhưng Trần Thị L đã tự ý bán thuốc và tiêm truyền khi có khách.

Khoảng 17 giờ ngày 03- 11- 2023, khi L đang ở cửa hàng thuốc thì ông Nguyễn Văn H1 đến gọi L để tiêm thuốc điều trị bệnh thoái hoá đốt sống lưng. Do ông H1 trước đây đã điều trị tại nhà L nhiều lần nên L đồng ý tiêm. L bảo ông H1 nằm sấp trên giường trong nhà L rồi lấy 01 ống Cefotaxime, 01 ống Supvizyn và 01 ống nước cất cùng 02 chiếc xilanh loại 06ml để tiêm cho ông H1. Lúc đầu, L sử dụng 01 chiếc xilanh lấy thuốc Cefotaxime và nước cất hoà vào nhau tiêm vào mông ông H1. Khi tiêm được khoảng 4ml thì L nhớ ra là trước đây ông H1 có dặn L là ông H1 không tiêm được thuốc Cefotaxime do đã bị sốc thuốc 1 lần. Lý dừng lại không tiêm nữa và bảo ông H1: “Chết rồi, cháu tiêm Cefotaxime cho chú mất rồi”. Ông H1 nói: “Chắc không sao đâu, cháu cứ tiêm đi”. Thấy ông H1 vẫn bình thường nên L tiếp tục tiêm hết thuốc trong xilanh. Sau đó, L lấy thuốc Supvizyn tiêm vào mông cho ông H1 rồi bảo ông H1 ở lại nhà L để theo dõi. Một lúc sau, ông H1 nói bị tức ngực, khó thở, L liền lấy 01 ống thuốc Solumedrol là loại thuốc chống sốc tiêm vào ven tay phải cho ông H1 rồi dùng tay vỗ lưng cho ông H1 dễ thở rồi tiếp tục lấy thuốc Salbutamol tiêm cho ông H1. Khoảng 10 phút sau, ông H1 kêu khó thở, L liền gọi xe dịch vụ của anh Đặng Văn L1, rồi bảo anh L1 đưa ông H1 vào bệnh viện. Khoảng 15 phút sau thì anh L1 thông báo cho L là ông H1 đã tử vong.

Cơ quan điều tra thu giữ tại cửa hàng thuốc của nhà Trần Thị L: 01 khay Inox màu trắng không rõ nhãn hiệu; 01 kéo bằng kim loại màu trắng; 01 kẹp bằng kim loại màu trắng và 01 cuộn băng keo dính đã qua sử dụng. 01 bơm kim tiêm đã qua

sử dụng; 02 đầu bơm kim tiêm đã qua sử dụng; 01 lọ thuỷ tinh dán nhãn cefotaxime đã qua sử dụng; 01 lọ thuỷ tinh dán nhãn supvizin đã qua sử dụng; 01 ống thuỷ tinh dán nhãn Diclofenac chưa qua sử dụng. 01 lọ thuỷ tinh đã qua sử dụng trên thân lọ dán nhãn Solu - medrol 40 mg; 01 ống thuỷ tinh đã qua sử dụng, trên thân ống dán nhãn Salbutamol 1ml; 01 ống nhựa đã qua sử dụng loại 10 ml, dán nhãn Sterilised Water.

Bản kết luận giám định mô bệnh học số 8161A/KL-KTHS ngày 24- 11- 2023 của V - Bộ C3, xác định: Hình ảnh mô cơ tim xung huyết, xuất huyết rải rác, thoái hoá thiểu dưỡng, một số vùng xơ hoá, phổi xung huyết, xuất huyết, phù phế nang rải rác, sơ vữa động mạch, các tạng còn lại xung huyết.

Bản kết luận giám định số 8161B/KL-KTHS ngày 26- 11- 2023 của V - Bộ C3, xác định: Trong một ống bơm kim tiêm bằng nhựa đã qua sử dụng gửi giám định có tìm thấy methylprednisolone và cefotaxinme. Trong mẫu máu ghi thu của tử thi Nguyễn Văn H1 gửi giám định có tìm thấy thành phần cefotaxinme và methylprednisolone. Trong tất cả các mẫu giám định đều không tìm thấy các chất độc thường gặp: Cyanide, M, thuốc diệt chuột (nhóm chống đông máu, các muối phốt phua, F, tetramine), hoá chất bảo vệ thực vật (Phospho hữu cơ, clo hữu cơ, carbamat, pyrethroid, sulfonyl urea, acetamid, triazin, paraquat, diquat, glyphosate, flufositane, nereistoxin), Alkaloid độc của lá ngón, mã tiền, cà độc dược, ô đầu phụ tử, các chất an thần gây ngủ và kim loại nặng độc.

Bản kết luận giám định tử thi số 1614/KLGĐTT-KTHS ngày 11- 12- 2023 của Phòng K - Công an tỉnh N, xác định: Ông Nguyễn Văn H1 chết do suy hô hấp, suy tuần hoàn, ngừng tim; trong cơ thể, trong máu có thành phần cefotaxinme và methylprednisolone.

Công văn số 33/PC09 ngày 25- 01- 2024 của Phòng kĩ thuật hình sự - Công an tỉnh N xác định: Nạn nhân Nguyễn Văn H1 không có bệnh lý dẫn đến suy hô hấp, suy tuần hoàn, ngừng tim. Theo y văn C4 có thể gây suy hô hấp, suy tuần hoàn, ngừng tim.

Quá trình điều tra, Trần Thị L đã thống nhất với những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông H1 là Bùi Thị P (vợ ông H1), Nguyễn Văn B, Nguyễn Thị N, Nguyễn Văn C1 và Nguyễn Văn C2 (là các con ông H1) bồi thường thiệt hại số tiền 120.000.000 đồng. Hiện Trần Thị L đã bồi thường được số tiền 70.000.000 đồng. Nay, gia đình ông Nguyễn Văn H1 yêu cầu Trần Thị L bồi thường 50.000.000 đồng còn lại.

Cáo trạng số 38/CT-VKS ngày 15- 4- 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy đã truy tố bị cáo Trần Thị L về tội "Vi phạm quy định về khám bệnh, chữa bệnh" theo điểm a khoản 1 Điều 315 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố, luận tội và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Trần Thị L phạm tội "Vi phạm quy định về khám bệnh, chữa bệnh". Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 315, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm

b khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Trần Thị L từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 năm đến 03 năm; không áp dụng hình phạt bổ sung. Căn cứ vào khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy 01 bơm kim tiêm, 02 đầu bơm kim tiêm, 01 lọ thuỷ tinh và 04 ống thuỷ tinh.

Bị cáo Trần Thị L thừa nhận hành vi đã nêu, không tự bào chữa, tranh luận gì, tỏ rõ sự ăn năn, hối cải và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tới điều kiện hoàn cảnh của bị cáo để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Các đại diện bị hại nhất trí với quan điểm luận tội của Kiểm sát viên, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 50.000.000 đồng còn thiếu như đã thống nhất tại giai đoạn điều tra.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện G, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện G, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố: Đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, đại diện cho bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại giai đoạn điều tra, phù hợp với lời khai người làm chứng, kết hợp với các kết luận giám định cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Ngày 03- 11- 2023, ông Nguyễn Văn H1 đến Cửa hàng thuốc của anh Phạm Văn R (là chồng của Trần Thị L) ở xóm D, xã B, huyện G để tiêm thuốc điều trị bệnh thoái hoá đốt sống lưng. Khi đến nơi, anh R không ở nhà, mặc dù không được cấp phép hành nghề khám chữa bệnh, không có chứng chỉ nghề y dược nhưng Trần Thị L đã tự ý tiêm thuốc Cefotaxime và S cho ông H1. Khi thấy ông H1 kêu tức ngực, khó thở, L liền lấy 01 ống thuốc Solumedrol là loại thuốc chống sốc và thuốc Salbutamol tiêm cho ông H1. Hậu quả, ông H1 bị suy hô hấp, suy tuần hoàn, ngừng tim dẫn đến chết khi vào viện cấp cứu.

[3] Hành vi trên của Trần Thị L đã vi phạm khoản 3 Điều 7 (các hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động khám chữa bệnh) và điểm a khoản 1 Điều 19 (điều kiện để cá nhân được phép khám bệnh, chữa bệnh) của Luật khám bệnh, chữa bệnh ngày 09- 01- 2023 gây hậu quả "làm chết một người". Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm tới trật tự quản lý của Nhà nước về khám bệnh, chữa bệnh; đã phạm vào tội “Vi phạm quy định về khám bệnh, chữa bệnh” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 315 của Bộ luật Hình sự.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Trần Thị L có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối lỗi nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Trần Thị L đã bồi thường số tiền 70.000.000 đồng cho gia đình ông Nguyễn Văn H1; đại diện hợp pháp của ông H1 xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm b khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt chính: Căn cứ vào tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo Trần Thị L, hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 315 của Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử thấy cần xử phạt bị cáo bằng hình phạt tù trong khung hình phạt, đủ tác dụng cải tạo bị cáo, đồng thời răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung. Xét quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự và Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn về áp dụng án treo, Hội đồng xét xử thấy đủ điều kiện cho bị cáo hưởng án treo.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo Trần Thị L có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo như quy định tại khoản 4 Điều 315 của Bộ luật Hình sự.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Trần Thị L đã thống nhất thoả thuận với những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Văn H1 bồi thường số tiền 120.000.000 đồng cho gia đình ông H1. Thoả thuận này không trái quy định pháp luật nên được chấp nhận. Trần Thị L đã bồi thường số tiền 70.000.000 đồng nên nay còn phải bồi thường 50.000.000 đồng.

[8] Về xử lý vật chứng: 01 bơm kim tiêm, 02 đầu bơm kim tiêm, 01 lọ thuỷ tinh và 04 ống thuỷ tinh đã thu giữ trong vụ án đều đã qua sử dụng, không còn giá trị nên tịch thu cho tiêu huỷ. Các tài sản thu giữ khác đã được trả lại cho Trần Thị L nên không xem xét.

[9] Về án phí: Bị cáo bị kết án nên phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo Trần Thị L và các đại diện hợp pháp của bị hại có mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đại diện hợp pháp của bị hại vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt: Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 315, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm b khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật

Hình sự; tuyên bố bị cáo Trần Thị L phạm tội "Vi phạm quy định về khám bệnh, chữa bệnh"; xử phạt bị cáo Trần Thị L 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù; cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 năm kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Trần Thị L cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện G giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; tịch thu tiêu hủy: 01 bơm kim tiêm, 02 đầu bơm kim tiêm, 01 lọ thuỷ tinh và 04 ống thuỷ tinh (theo Biên bản giao nhận vật chứng số: 56/2024 ngày 15- 4- 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giao Thủy).

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự, ghi nhận thoả thuận: Bị cáo Trần Thị L phải bồi thường cho bà Bùi Thị P, anh Nguyễn Văn B, chị Nguyễn Thị N, anh Nguyễn Văn C1 và anh Nguyễn Văn C2 số tiền 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng), bị cáo Trần Thị L đã bồi thường 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng), nay còn phải bồi thường 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Trần Thị L phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 2.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về kháng cáo: Căn cứ các điều 331 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo Trần Thị L, các đại diện bị hại là bà Bùi Thị P, anh Nguyễn Văn B, chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn C2 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Nguyễn Văn C1 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

6. Về thi hành án dân sự: Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của

Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Bị cáo: 01 bản.
- Người đại diện hợp pháp của Bị hại: 05 bản;
- VKSND huyện Giao Thủy: 01 bản;
- VKSND tỉnh Nam Định: 01 bản;
- Công an huyện Giao Thủy: 02 bản;
- Uỷ ban nhân dân xã Bình Hoà: 01 bản;
- Chi cục THADS huyện Giao Thủy: 01 bản;
- Lưu hồ sơ: 02 bản.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Ngọc Duyên